

Tăng tỷ trọng

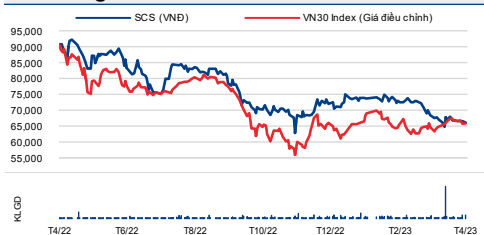
Giá mục tiêu: VNĐ79,200

Tiềm năng tăng/giảm: 19.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/4/2023)	66,300
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	62,887-92,328
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	66,333
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	6,224
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	265
Slg CP lưu hành (tr.đv)	93.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	30.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.23
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.8%
Tỷ lệ freefloat	38.2%
Cổ đông lớn	Gemadep (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	851	851	994
EBITDA đc (tỷ đồng)	740	720	843
LNTT (tỷ đồng)	697	683	807
LNT ĐC (tỷ đồng)	601	565	667
FCF (tỷ đồng)	551	557	711
EPS ĐC (đồng)	6,025	5,612	6,692
DPS (đồng)	4,123	4,500	4,500
BVPS (đồng)	15,271	16,436	18,709
T.trưởng EBITDA (%)	12.2	(2.78)	17.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(37.6)	(6.84)	19.2
Tăng trưởng DPS (%)	37.4	9.13	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	87.0	84.6	84.8
Tỷ suất LNTT (%)	81.9	80.3	81.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	75.9	71.4	72.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	63.4	74.2	62.3
Nợ thuần/VCSH (%)	(3.38)	(3.36)	(3.72)
ROAE (%)	48.2	40.7	43.2
ROACE (%)	51.8	45.6	48.5
EV/doanh thu (lần)	6.24	6.16	5.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.18	7.28	5.92
P/E ĐC (lần)	11.0	11.8	9.91
P/B (lần)	4.34	4.03	3.54
Lợi suất cổ tức (%)	6.22	6.79	6.79

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Lợi nhuận Q1/2023 giảm 40% do sản lượng thấp

- KQKD Q1/2023 giảm mạnh với lợi nhuận thuần và doanh thu thuần giảm lần lượt 40% và 34%. Lợi nhuận thuần là 113 tỷ đồng, thấp hơn 13% so với dự báo của chúng tôi là 130 tỷ đồng (giảm 30%).
- Sản lượng hàng hóa Q1/2023 chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do nhu cầu toàn cầu yếu, đạt 43.521 tấn (giảm 35%), tương đương sản lượng Q2/2020 trong giai đoạn đại dịch bùng phát lần đầu.
- Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sẽ hồi phục trong những quý tới. Chúng tôi duy trì dự báo, khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 79.200đ. Chúng tôi khuyến nghị NĐT tích lũy cổ phiếu khi giá cổ phiếu sụt giảm.

Sự kiện: Công bố BCTC Q1/2023

SCS công bố KQKD Q1/2023 kém tích cực với lợi nhuận thuần là 113 tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ và doanh thu thuần là 162 tỷ đồng, giảm 34% so với cùng kỳ, cả 2 chỉ đạt 19% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi. Lợi nhuận Q1/2023 thấp hơn 13% so với dự báo của chúng tôi do sản lượng thấp hơn kỳ vọng.

Sản lượng hàng hóa chịu ảnh hưởng do nhu cầu thấp

Tổng sản lượng hàng hóa trong Q1/2023 giảm 35% so với cùng kỳ xuống 43.521 tấn, do sản lượng hàng hóa quốc tế giảm đáng kể, trong khi sản lượng hàng hóa nội địa cải thiện. Những thông tin chính như sau:

- Sản lượng hàng hóa quốc tế giảm 45% so với cùng kỳ xuống 30.683 tấn chủ yếu do một số nguyên nhân như sau: (1) mức nền cao cùng kỳ năm ngoái do sản lượng hàng hóa Q1/2022 tăng mạnh sau khi dỡ các biện pháp phong tỏa, (2) hoạt động thương mại ảm đạm tại Việt Nam trước nguy cơ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại và (3) một phần hàng quốc tế chuyển sang vận chuyển nội địa sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại.
- Sản lượng hàng hóa trong nước tăng 18% so với cùng kỳ đạt 12.838 tấn. Trong năm 2022, do Trung Quốc đóng cửa biên giới, nhiều lô hàng phía Nam phải xuất khẩu thẳng sang Trung Quốc thay vì vận chuyển ra phía Bắc rồi xuất khẩu sang Trung Quốc qua đường bộ. Sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại vào Q1/2023, nhiều chuyến bay vận chuyển hàng hóa quốc tế đã chuyển sang các chuyến bay nội địa. Theo đó, sản lượng hàng hóa quốc tế của SCS sụt giảm, trong khi sản lượng hàng hóa nội địa cải thiện.

Tỷ suất lợi nhuận thu hẹp do sản lượng hàng hóa thấp

Do tổng sản lượng hàng hóa giảm 35% so với cùng kỳ, doanh thu thuần Q1/2023 giảm 34% so với cùng kỳ xuống 162 tỷ đồng. Phí xếp dỡ bình quân gần như đi ngang trong giai đoạn này.

Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống 76% so với 84% cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu do doanh thu giảm. Do đó, lợi nhuận gộp giảm 40% so với cùng kỳ xuống 123 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2023, SCS

Lợi nhuận thuần Q1/2023 giảm 40% so với cùng kỳ do doanh thu giảm và tỷ suất lợi nhuận thu hẹp

Tỷ đồng	Q1/2022	Q1/2023	% so với cùng kỳ	% đạt dự báo của HSC
Doanh thu thuần	246	162	-34%	19%
Lợi nhuận thuần	188	113	-40%	19%

Nguồn: SCS

Các khoản mục khác

- Lãi tài chính thuần hỗ trợ lợi nhuận. Nhờ thu nhập tài chính tăng và chi phí được cắt giảm mạnh, lợi nhuận thuần Q4/2022 đi ngang so với cùng kỳ ở mức 157 tỷ đồng mặc dù doanh thu sụt giảm. Ngoài ra, lợi nhuận thuần cả năm 2022 vẫn tăng trưởng 15% đạt 646 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần gần như đi ngang ở mức 851 tỷ đồng (tăng trưởng 1,4%).
- Thuế suất thuế TNDN tăng. Mức thuế suất trong Q1/2023 tăng lên 12% so với mức 7% trong năm 2022, chủ yếu do chính sách ưu đãi thuế trước đó đối với SCS đã hết hạn. Theo đó, thuế TNDN đối với hoạt động xếp dỡ hàng hóa mới tăng lên 10% từ mức 5% trong năm 2022. Mức thuế suất 10% này sẽ được áp dụng cho đến năm 2024, trước khi tăng lên 20% trong năm 2025.

Triển vọng sản lượng hàng hóa

Mặc dù sản lượng hàng hóa Q1/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ, nhưng sản lượng qua các tháng đều có sự phục hồi. Sản lượng hàng hóa tháng 2 và tháng 3/2023 tăng lần lượt 13% và 16% so với tháng trước. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng sẽ tiếp tục hồi phục trong thời gian tới.

Đối với triển vọng Q2/2023, chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng và kỳ vọng sản lượng hàng hóa sẽ phục hồi so với quý trước nhưng vẫn giảm so với cùng kỳ. Ngược lại, chúng tôi dự báo sản lượng hàng hóa sẽ cải thiện mạnh so với cùng kỳ trong nửa cuối năm 2023 do mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái và đóng góp từ khách hàng mới. SCS sẽ hoàn thành dự án mở rộng trong tháng 6 hoặc tháng 7/2023, giải quyết tình trạng hạn chế công suất và giúp Công ty có thêm thu hút thêm khách hàng mới để thúc đẩy sản lượng hàng hóa trong nửa cuối năm 2023.

HSC duy trì khuyến nghị, dự báo và giá mục tiêu

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu là 79.200đ (tiềm năng tăng giá là 19,5%). Chúng tôi duy trì dự báo với lợi nhuận thuần năm 2023 giảm 6% so với cùng kỳ xuống 607 tỷ đồng, sau đó sẽ tăng trưởng 18% đạt 717 tỷ đồng trong năm 2024. SCS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, so với mức bình quân trong quá khứ là 14,5 lần.

SCS có thể sẽ tổ chức ĐHCĐ vào tháng 6/2023 và BLĐ lên kế hoạch trình mức cổ tức bằng tiền mặt năm 2022 là 5.500đ/cp, cao hơn so với dự báo của chúng tôi là 4.500đ/cp. Với kế hoạch này, lợi suất cổ tức sẽ là 8,3%. Lưu ý, SCS đã chi trả cổ tức đợt đầu là 2.500đ/cp trong năm 2022, 3.000đ/cp còn lại nhiều khả năng sẽ được chi trả sau ĐHCĐ.

Do triển vọng lợi nhuận kém tích cực, giá cổ phiếu SCS đã giảm 10% trong 3 tháng qua và kém hơn 6% so với chỉ số VN Index. Tuy nhiên, triển vọng dài hạn của SCS vẫn khả quan và công ty có mức lợi suất cổ tức cao, năng lực quản trị doanh nghiệp tốt và dòng tiền mạnh, không có vay nợ. Do đó, chúng tôi cho rằng việc giá cổ phiếu giảm do KQKD ngắn hạn kém tích cực lại đem đến cơ hội để tích lũy cổ phiếu ở vùng giá tốt.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng hàng hóa, SCS

Sản lượng hàng hóa quốc tế giảm; trong khi Sản lượng hàng hóa nội địa cải thiện

Tán	Q1/2022	Q1/2023	% so với cùng kỳ
Hàng hóa quốc tế	55,738	30,683	-45%
Hàng hóa trong nước	10,867	12,838	18%
Tổng	66,605	43,521	-35%

Nguồn: SCS

Bảng 3: Sản lượng hàng hóa theo tháng, SCS

Sản lượng hàng hóa qua các tháng đều có sự phục hồi

Tấn	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Quốc tế	8,937	10,077	11,669
% so với cùng kỳ	-62%	-33%	-32%
% so với tháng trước	-27%	13%	16%
Trong nước	4,092	4,112	4,634
% so với cùng kỳ	-6%	48%	24%
% so với tháng trước	-3%	0%	13%

Nguồn: SCS

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	839	851	851	994	1,180
Lợi nhuận gộp	652	698	668	788	942
Chi phí BH&QL	(78.1)	(56.9)	(56.9)	(66.5)	(78.9)
Thu nhập khác	(1.84)	(3.14)	(3.14)	(3.67)	(4.35)
Chi phí khác	0.03	0.46	0.46	0.54	0.64
EBIT	605	697	683	807	966
Lãi vay thuần	33.5	58.2	74.7	88.1	106
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	605	697	683	807	966
Chi phí thuế TNDN	(41.7)	(50.5)	(75.8)	(89.5)	(193)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	564	646	607	717	773
Lợi nhuận thuần ĐC	524	601	565	667	719
EBITDA ĐC	660	740	720	843	1,003
EPS (đồng)	10,425	6,507	6,062	7,224	7,816
EPS ĐC (đồng)	9,648	6,025	5,612	6,692	7,243
DPS (đồng)	3,000	4,123	4,500	4,500	4,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	50.7	61.5	94.4	94.4	94.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	50.7	93.9	94.4	94.4	94.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	50.7	93.9	94.4	94.4	94.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	57.9	51.3	55.0	69.0	94.6
Đầu tư ngắn hạn	480	860	961	1,193	1,415
Phải thu khách hàng	312	85.3	85.2	99.6	118
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	1.30	3.83	3.83	4.47	5.31
Tổng tài sản ngắn hạn	851	1,000	1,105	1,366	1,634
TSCĐ hữu hình	411	391	411	382	397
TSCĐ vô hình	0.72	0.59	0.11	(0.37)	(0.85)
Bất động sản đầu tư	85.4	78.7	72.0	65.2	58.5
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	66.7	85.0	84.9	95.8	110
Tổng tài sản dài hạn	564	555	568	542	564
Tổng cộng tài sản	1,416	1,556	1,673	1,908	2,198
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	7.52	3.55	3.55	4.15	4.92
Nợ ngắn hạn khác	129	96.9	96.9	113	134
Tổng nợ ngắn hạn	164	118	118	137	163
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	1.80	4.33	4.33	5.06	6.01
Tổng nợ dài hạn	1.80	4.33	4.33	5.06	6.01
Tổng nợ phải trả	166	122	122	142	169
Vốn chủ sở hữu	1,249	1,434	1,551	1,766	2,029
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,249	1,434	1,551	1,766	2,029
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,416	1,556	1,673	1,908	2,198
BVPS (đ)	24,619	15,271	16,436	18,709	21,493
Nợ thuần/(tiền mặt)	(57.9)	(51.3)	(55.0)	(69.0)	(94.6)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	605	697	683	807	966
Khấu hao	(54.4)	(43.7)	(36.5)	(36.5)	(36.5)
Lãi vay thuần	33.5	58.2	74.7	88.1	106
Thuế TNDN đã nộp	(23.4)	(53.0)	(75.8)	(89.5)	(193)
Thay đổi vốn lưu động	4.76	(13.7)	0.02	(6.22)	(8.05)
Khác	(32.8)	(58.1)	(0.00)	0.73	0.94
LCT thuần từ HĐKD	591	586	614	718	772
Đầu tư TS dài hạn	(5.59)	(34.3)	(57.3)	(7.38)	(51.5)
Góp vốn & đầu tư	(1,170)	(1,604)	(95.4)	(237)	(235)
Thanh lý	846	1,434	0	0	0
Khác	32.0	51.1	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(298)	(153)	(153)	(244)	(287)
Cổ tức trả cho CSH	(271)	(439)	(458)	(460)	(460)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	0	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(271)	(439)	(458)	(460)	(460)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	36.1	57.9	51.3	55.0	69.0
LCT thuần trong kỳ	22.4	(6.37)	3.69	14.0	25.6
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.52)	(0.21)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	57.9	51.3	55.0	69.0	94.6
Dòng tiền tự do	586	551	557	711	721

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	77.7	82.0	78.6	79.3	79.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	78.6	87.0	84.6	84.8	85.0
Tỷ suất LNT (%)	67.2	75.9	71.4	72.1	65.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	6.89	7.24	11.1	11.1	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	21.1	1.42	(0.05)	16.9	18.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	19.4	12.2	(2.78)	17.1	18.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.4	14.6	(6.00)	18.1	7.79
Tăng trưởng EPS (%)	22.9	(37.6)	(6.84)	19.2	8.19
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	23.1	(37.5)	(6.87)	19.3	8.22
Tăng trưởng DPS (%)	(62.5)	37.4	9.13	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	28.8	63.4	74.2	62.3	57.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	49.8	48.2	40.7	43.2	40.7
ROACE (%)	53.3	51.8	45.6	48.5	50.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.57	0.53	0.56	0.57
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.98	0.84	0.90	0.89	0.80
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	608	203	171	177	182
Số ngày phải trả	14.6	8.47	7.10	7.35	7.58
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(4.08)	(3.38)	(3.36)	(3.72)	(4.47)
Nợ/tài sản (%)	0.48	0.18	0.17	0.17	0.18
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.18	8.51	9.40	9.95	10.0
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.37	6.24	6.16	5.03	4.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.28	7.18	7.28	5.92	4.73
P/E (lần)	6.36	10.2	10.9	9.18	8.48
P/E ĐC (lần)	6.87	11.0	11.8	9.91	9.15
P/B (lần)	2.69	4.34	4.03	3.54	3.08
Lợi suất cổ tức (%)	4.52	6.22	6.79	6.79	6.79

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn